

Số: 1434/2020/TB-TĐT

TP. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2020

**THÔNG BÁO**  
**TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2020**  
**(Đợt 2 – Tháng 12/2020)**

Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) thông báo tuyển sinh 18 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ với các thông tin như sau:

**1. CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO:**

STT	Chuyên ngành	Mã CN	Môn thi			Chỉ tiêu
			Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ	
1.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (*)	8140111	Ngôn ngữ học	Phương pháp giảng dạy	Tiếng Pháp/ Tiếng Trung	30
2.	Mỹ thuật ứng dụng	8210410	Phát triển ý tưởng thiết kế	Nghị luận thiết kế		20
3.	Quản trị kinh doanh	8340101	Toán kinh tế	Nguyên lý quản trị		50
4.	Tài chính – Ngân hàng	8340201	Toán cao cấp + Xác suất thống kê	Tiền tệ và thị trường tài chính		30
5.	Kế toán	8340301	Toán cao cấp + Xác suất thống kê	Kế toán		40
6.	Toán ứng dụng (*)	8460112	Giải tích hàm nhiều biến Đại số tuyến tính	Giải tích hàm Giải tích số		20
7.	Kỹ thuật hóa học	8520301		Hóa lý		20
8.	Kỹ thuật môi trường (*)	8520320	Toán cao cấp	Cơ sở kỹ thuật môi trường	Tiếng Anh	30
9.	Kỹ thuật xây dựng (*)	8580201		Sức bền vật liệu		30
10.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (*)	8580205	Các phương pháp định lượng	Quy hoạch giao thông đô thị		20
11.	Bảo hộ lao động	8900103	Toán cao cấp	Cơ sở khoa học bảo hộ lao động		20
12.	Xã hội học (*)	8310301	Xét tuyển			20
13.	Luật kinh tế	8380107				20
14.	Khoa học máy tính (*)	8480101				30
15.	Kỹ thuật điện (*)	8520201				30
16.	Kỹ thuật viễn thông (*)	8520208				30
17.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (*)	8520216				20
18.	Quản lý thể dục thể thao (*)	8810301				20

(\*): Các chuyên ngành có chương trình đào tạo dạy-học bằng tiếng Anh

**2. THỜI GIAN THI TUYỂN SINH (dự kiến): 19, 20/12/2020**

**3. HÌNH THỨC TUYỂN SINH:**

**3.1. Xét tuyển:** Ngoài các ngành xét tuyển có số thứ tự từ 12 đến 18 thì thí sinh dự tuyển các ngành còn lại sẽ được xét tuyển khi:

- Thí sinh là người nước ngoài có bằng tốt nghiệp đại học;
- Thí sinh tốt nghiệp đại học chính qui tập trung do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp hoặc thí sinh Việt Nam có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi, loại hình đào tạo chính qui tập trung do các trường đại học công lập trong nước cấp trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm xét tuyển;

- Thí sinh Việt Nam có chứng chỉ kiểm toán viên và là thành viên của hội viên kiểm toán viên hành nghề (có giấy xác nhận của VACPA) dự tuyển chuyên ngành kế toán;

### **3.2. Thi tuyển:**

- Áp dụng cho tất cả các thí sinh đã tốt nghiệp đại học không thuộc đối tượng xét tuyển, đáp ứng điều kiện dự tuyển;

- Môn thi:

+ Môn Cơ bản: thời gian làm bài tối đa 180 phút, hình thức thi: tự luận;

+ Môn Cơ sở: xét tuyển hồ sơ và bài luận về hướng nghiên cứu;

+ Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh/Tiếng Trung/Tiếng Pháp): 4 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết):

✓ Bài thi Nghe-Đọc-Viết: thời gian làm bài tối đa 120 phút, hình thức thi: trắc nghiệm và tự luận;

✓ Bài thi Nói: thời gian tối đa 10 phút.

## **4. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN:**

### **4.1. Về văn bằng (theo danh mục đính kèm):**

- Tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển (không phân biệt loại hình đào tạo, cơ sở đào tạo, hạng tốt nghiệp);

- Tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự tuyển phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức theo qui định;

- Trường hợp có giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đúng ngành hoặc ngành phù hợp vẫn được dự tuyển nhưng phải có bằng tốt nghiệp trước khi được công nhận trúng tuyển.

### **4.2. Điều kiện về Ngoại ngữ: thỏa một trong các mục sau**

- Miễn thi tiếng Anh (trừ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh):

+ Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được cấp bởi cơ sở giáo dục đại học nước ngoài (ngôn ngữ sử dụng chính trong quá trình học tập phải là tiếng Anh) và cơ sở giáo dục (hoặc văn bằng của cơ sở giáo dục) này: nằm trong danh mục các cơ sở giáo dục, văn bằng đại học được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận; hoặc trong danh mục các cơ sở giáo dục đại học mà giữa quốc gia họ với Việt Nam có Nghị định thư hoặc một hình thức văn bản cấp quốc gia công nhận; hoặc là cơ sở giáo dục đại học trong TOP 1.000 thế giới theo THE, QS, ARWU, URAP; hoặc bằng tốt nghiệp từ những chương trình liên kết đào tạo đã được Bộ giáo dục và đào tạo Việt Nam có văn bản đồng ý, cho phép thực hiện...;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ trong nước mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo hoàn toàn bằng tiếng Anh không qua phiên dịch;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ Anh;

+ Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do cơ sở đào tạo ngoại ngữ được Bộ GD&ĐT cho phép cấp chứng chỉ (trình độ B1) hoặc do TDTU cấp; hoặc có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: IELTS 4.5, TOEFL iBT 45, TOEIC 500, PET 140 còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

- Đối với chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh: có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: TRKI 1 (tiếng Nga), DELF B1/TCF niveau B1 (tiếng Pháp), B1 ZD (tiếng Đức), HSK cấp độ 3 (tiếng Trung), JLPT N4 (tiếng Nhật) còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

- Thi môn Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh/Tiếng Trung/Tiếng Pháp): 4 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết) và phải đạt tối thiểu 50 điểm trên thang điểm 100;

### **4.3. Về thâm niên công tác:**

- Tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc ngành phù hợp với ngành hoặc chuyên ngành đăng ký dự tuyển (trừ chuyên ngành Quản trị kinh doanh) được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp;

- Đối với chuyên ngành Quản trị kinh doanh: tốt nghiệp đại học (trừ bằng tốt nghiệp đại học do TDTU cấp) loại Khá trở lên thuộc đúng ngành hoặc phù hợp với chuyên ngành Quản trị kinh doanh được đăng ký dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp. Những trường hợp còn lại yêu cầu phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký dự tuyển;

- Tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác phải có kinh nghiệm từ 1 hoặc 2 năm trong lĩnh vực liên quan (được qui định trong danh mục đính kèm).

#### 4.4. Đối tượng và chính sách ưu tiên:

– Đối tượng ưu tiên:

+ Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được qui định là Khu vực 1 trong Qui chế tuyển sinh đại học loại hình chính qui, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên loại hình chính qui. Trong trường hợp này, thí sinh phải xuất trình quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (\*);

+ Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

+ Con liệt sĩ;

+ Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

+ Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được qui định tại mục (\*) ở trên;

+ Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

– Mức ưu tiên:

+ Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên qui định ở trên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 (mười) điểm cho môn Ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo qui định; và cộng 1 (một) điểm (thang điểm 10) cho 1 (một) trong 2 (hai) môn thi môn thi Cơ bản và Cơ sở.

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp được hưởng chế độ ưu tiên khi đăng ký dự thi và nhập học chính thức theo các qui định liên quan của Nhà trường.

#### 5. PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ DỰ TUYỂN:

– Đăng ký dự tuyển trực tuyến: <http://tuyensinh Saudaihoc.tdtu.edu.vn>

– Phát hành và nhận hồ sơ dự tuyển: hạn chót ngày 28/11/2020;

– Lệ phí xét tuyển: 450.000 đồng;

– Lệ phí thi tuyển: 750.000 đồng (áp dụng cho tất cả trường hợp dự thi: môn Cơ bản hoặc môn Ngoại ngữ hoặc 02 môn Cơ bản và Ngoại ngữ).

#### 6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

– Tổng thời lượng: 18 – 24 tháng (12 – 18 tháng học các học phần và 06 tháng thực hiện Luận văn thạc sĩ);

– Dự kiến thời gian đào tạo: Từ tháng 01/2021 – tháng 01/2023;

– Lịch học dự kiến: Các buổi tối trong tuần hoặc ngày Thứ 7 và Chủ nhật.

#### 7. TỔ CHỨC CÁC LỚP ÔN THI:

– Đăng ký ôn thi: từ ngày ra thông báo đến hết ngày 10/10/2020

– Khai giảng (dự kiến): 24/10/2020

– Lịch học: tối Thứ 6, ngày Thứ 7 và ngày Chủ nhật

– Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Tôn Đức Thắng tại TP.HCM, Nha Trang, Bảo Lộc, Cà Mau và cơ sở liên kết tại các tỉnh An Giang, Bình Dương, Bình Định, Bình Thuận, Gia Lai, Kiên Giang, Phú Yên, Vũng Tàu.

8. CHÍNH SÁCH HỌC BỔNG: dành cho đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp, tốt nghiệp đại học xếp loại giỏi các trường công lập trong cả nước, giáo viên đang công tác tại các trường phổ thông các tỉnh trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm dự tuyển.

*Mọi thông tin vui lòng liên hệ các văn phòng tư vấn tuyển sinh:*

**Phòng Sau đại học, Trường Đại học Tôn Đức Thắng (Phòng B002, Nhà B)**

Số 19 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Lịch tiếp học viên từ **thứ hai đến thứ bảy**: Sáng từ 7h30 – 11h30, chiều 13h00 – 17h00.

Điện thoại: (028) 3775 5059. Hotline: 0944 314 466.

Email: [tssdh@tdtu.edu.vn](mailto:tssdh@tdtu.edu.vn). Website: <http://grad.tdtu.edu.vn>

- TP. Bảo Lộc:** **Trường Đại học Tôn Đức Thắng**  
(Lâm Đồng) Đường Nguyễn Tuân, TP. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng  
Điện thoại: (0263) 3967 888  
Email: [baoloc@tdtu.edu.vn](mailto:baoloc@tdtu.edu.vn).
- Khánh Hòa:** **Phân hiệu Nha Trang, Trường Đại học Tôn Đức Thắng**  
22 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
Điện thoại: (0258) 3837 485  
Email: [phanhieunhatrang@tdtu.edu.vn](mailto:phanhieunhatrang@tdtu.edu.vn). Website: <http://nhatrang.tdtu.edu.vn>
- Cà Mau:** **Trường Đại học Tôn Đức Thắng**  
Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau  
Điện thoại: (0290) 3590 924  
Email: [cosocamau@tdtu.edu.vn](mailto:cosocamau@tdtu.edu.vn).
- An Giang:** **Trung tâm giáo dục thường xuyên An Giang**  
1/9 Võ Thị Sáu, Tổ 10, Khóm Đông Thành, P. Đông Xuyên, TP. Long Xuyên, An Giang.  
Điện thoại: (0296) 3841 951.
- Bình Dương:** **Trường Trung cấp Kỹ thuật và Nghiệp vụ Công đoàn Bình Dương**  
Đường N2, Cụm sx An Thạnh, P. An Thạnh, TX. Thuận An, Tỉnh Bình Dương  
Điện thoại: (0274) 3745 180. Hotline: 0909 682 939.
- Bình Định:** **Trung tâm giáo dục nghề nghiệp công đoàn Bình Định**  
168 Nguyễn Thị Định, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Bình Thuận:** **Trường Cao đẳng cộng đồng Bình Thuận**  
38 Nguyễn Hội, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
- Gia Lai:** **Trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai**  
126 Lê Thánh Tôn, Phường IAKring, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Kiên Giang:** **Trường Cao đẳng Kiên Giang**  
217 Chu Văn An, Phường An Hòa, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.  
Điện thoại: (0297) 3811 951. Hotline: 0919 740 711.
- Phú Yên:** **Trường Đại học Phú Yên**  
Nguyễn Văn Huyền, Phường 7, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên  
Điện thoại: 0986 467 575
- Vũng Tàu:** **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật công đoàn Bà Rịa – Vũng Tàu**  
1A Nguyễn Trường Tộ, Phường 3, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu  
Điện thoại: 0983 011 220

**Nơi nhận:**

- Liên đoàn lao động các tỉnh, TP.HCM;
- Các sở ban ngành, doanh nghiệp TP.HCM và các tỉnh phía Nam;
- Các tập đoàn điện lực, viễn thông, cao su, dầu khí, ... trong cả nước;
- Các trường THPT, TCCN, CĐ và ĐH đồng trên địa bàn TP.HCM và các tỉnh phía Nam;
- Sinh viên tốt nghiệp Trường ĐH Tôn Đức Thắng tất cả các khóa;
- Thông báo trên website tuyển sinh Trường ĐH Tôn Đức Thắng, Phòng SĐH, Khoa/Viện quản lý;
- Lưu P.TCHC và P.SĐH.



TS. TRẦN TRỌNG ĐẠO

**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ NGÀNH KHÁC**

STT	Tên chuyên ngành đào tạo	Ngành đúng, phù hợp	Ngành gần/ngành khác	Các môn học bổ sung kiến thức
1.	LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG ANH (8140111)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngôn ngữ Anh</li> </ul>		
2.	MỸ THUẬT ỨNG DỤNG (8210410)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỹ thuật ứng dụng;</li> <li>- Thiết kế công nghiệp;</li> <li>- Thiết kế nội thất;</li> <li>- Thiết kế đồ họa;</li> <li>- Thiết kế thời trang;</li> <li>- Thiết kế mỹ thuật SK-ĐA;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác với chương trình đào tạo đại học ngành Mỹ thuật ứng dụng của Trường Đại học Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình, hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý luận, Lịch sử và Phê bình mỹ thuật;</li> <li>- Hội họa;</li> <li>- Đồ họa;</li> <li>- Điều khác;</li> <li>- Gốm;</li> <li>- ...</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Mỹ thuật ứng dụng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư duy thiết kế (30 tiết);</li> <li>- Thiết kế ứng dụng (30 tiết).</li> </ul>
3.	XÃ HỘI HỌC (8310301)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã hội học;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác với chương trình đào tạo đại học ngành Xã hội học của Trường Đại học Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình, hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục học;</li> <li>- Tâm lý học;</li> <li>- Công tác xã hội;</li> <li>- Nhân học;</li> <li>- Chính trị học;</li> <li>- Kinh tế học;</li> <li>- Triết học (Chủ nghĩa duy vật lịch sử - Triết học xã hội);</li> <li>- Văn hóa học;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Xã hội học của Trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã hội học đại cương (30 tiết);</li> <li>- Lý thuyết xã hội học (30 tiết);</li> <li>- PP nghiên cứu XHH (30 tiết).</li> </ul>

			<p>ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</p> <p>Tốt nghiệp đại học không đúng ngành Xã hội học (không thuộc đối tượng 1 và đối tượng 2), có thâm niên công tác ít nhất từ 02 năm trở lên tại các cơ quan có chức năng giải quyết các vấn đề về xã hội.</p>	<p>– Xã hội học đại cương (30 tiết);</p> <p>– Lý thuyết xã hội học (30 tiết);</p> <p>– Tin học chuyên ngành (30 tiết);</p> <p>– PP nghiên cứu định lượng (30 tiết);</p> <p>– PP nghiên cứu định tính (30 tiết);</p> <p>– Xũ lý dữ liệu định tính (30 tiết).</p>
<p><b>4.</b></p> <p><b>QUẢN TRỊ KINH DOANH</b> <b>(8340101)</b></p>	<p>– Quản trị kinh doanh;</p> <p>– Kinh doanh thương mại;</p> <p>– Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác với chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình, hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</p>	<p>– Tài chính – Ngân hàng;</p> <p>– Bảo hiểm;</p> <p>– Kế toán;</p> <p>– Khoa học quản lý;</p> <p>– Chính sách công;</p> <p>– Quản lý công;</p> <p>– Quản trị nhân lực;</p> <p>– Hệ thống thông tin quản lý;</p> <p>– Quản trị văn phòng;</p> <p>– Quản lý khoa học và công nghệ;</p> <p>– Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;</p> <p>– Quản lý công nghiệp;</p> <p>– Quản lý năng lượng;</p> <p>– Logistics và quản lý chuỗi cung ứng;</p> <p>– Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chi khác so với chương trình ngành Quản trị kinh doanh của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</p>	<p>– Kinh tế vi mô (45 tiết);</p> <p>– Kinh tế vĩ mô (45 tiết);</p> <p>– Nguyên lý quản trị (45 tiết);</p> <p>– Nguyên lý Marketing (45 tiết);</p> <p>– Nguyên lý kế toán (45 tiết);</p> <p>– Tiền tệ và thị trường tài chính (45 tiết);</p> <p>– Thống kê trong KD và kinh tế (45 tiết);</p> <p>– Luật công ty (30 tiết).</p> <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p>	
		<p>– Các ngành khoa học sự sống;</p> <p>– Các ngành sinh học ứng dụng;</p> <p>– Các ngành khoa học tự nhiên;</p> <p>– Các ngành toán và thông kê;</p> <p>– Các ngành kỹ thuật;</p> <p>– Các ngành sản xuất và chế biến;</p> <p>– Các ngành kiến trúc và xây dựng;</p> <p>– Các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản;</p> <p>– Các ngành sức khỏe;</p> <p>– Ngôn ngữ Anh;</p>	<p>– Toán kinh tế (45 tiết);</p> <p>– Xác suất thống kê (45 tiết);</p> <p>– Kinh tế vi mô (45 tiết);</p> <p>– Kinh tế vĩ mô (45 tiết);</p> <p>– Nguyên lý quản trị (45 tiết);</p> <p>– Nguyên lý Marketing (45 tiết);</p> <p>– Nguyên lý kế toán (45 tiết);</p> <p>– Tiền tệ và thị trường tài chính (45 tiết);</p> <p>– Thống kê trong KD và kinh tế (45 tiết);</p> <p>– Luật công ty (30 tiết).</p>	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngôn ngữ Pháp;</li> <li>- Ngôn ngữ Trung Quốc;</li> <li>- Ngôn ngữ Đức;</li> <li>- Ngôn ngữ Nhật;</li> <li>- Ngôn ngữ Hàn Quốc.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu:</i> có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán – Kiểm toán;</li> <li>- Kinh doanh thương mại;</li> <li>- Quản trị kinh doanh;</li> <li>- Kinh tế đối ngoại;</li> <li>- Kinh doanh;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% - 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu:</i> có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.</p>	<p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền tệ và thị trường tài chính (30 tiết);</li> <li>- Tài chính doanh nghiệp (30 tiết).</li> </ul> <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học, xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p>
<p><b>5.</b></p> <p><b>TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG</b> <b>(8340201)</b></p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài chính – Ngân hàng;</li> <li>- Ngân hàng;</li> <li>- Tài chính;</li> <li>- Tài chính quốc tế;</li> <li>- Tài chính doanh nghiệp;</li> <li>- Phân tích và đầu tư tài chính;</li> <li>- Đầu tư;</li> <li>- Đầu tư quốc tế;</li> <li>- Đầu tư chứng khoán;</li> <li>- Bảo hiểm;</li> <li>- Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý công nghiệp;</li> <li>- Quản lý xây dựng;</li> <li>- Kỹ thuật công trình;</li> <li>- Quản lý bệnh viện;</li> <li>- Máy tính và công nghệ thông tin, Khoa học tính toán, Sản xuất và chế biến, Công nghệ kỹ thuật, Toán và thống kê, Khoa học tự nhiên, Kiến trúc và Xây dựng, Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản, Môi trường và Bảo vệ môi trường, Môi trường và bảo hộ lao động, Khoa học máy tính, Điện điện tử,...;</li> <li>- Ngôn ngữ (kinh tế và thương mại), Khoa học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền tệ và thị trường tài chính (30 tiết);</li> <li>- Tài chính doanh nghiệp (30 tiết);</li> <li>- Nguyên lý kế toán (30 tiết);</li> <li>- Ngân hàng thương mại (30 tiết);</li> <li>- Kinh tế vi mô (30 tiết);</li> <li>- Kinh tế vĩ mô (30 tiết).</li> </ul> <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p>	

			<p>chính trị;          - Xã hội học và nhân văn;          - Tâm lý học;          - Luật (luật kinh tế...);          - Khoa học giáo dục (quản lý giáo dục...);          - Quản lý văn hóa;          - Quản lý thể dục, thể thao...  <i>Yêu cầu:</i> có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.</p>	<p>- Tài chính;          - Ngân hàng;          - Bảo hiểm;          - Quản trị kinh doanh;          - Quản trị nhân lực;          - Quản trị văn phòng;          - Kinh doanh và quản lý;          - Khoa học quản lý;          - Quản lý khoa học và công nghệ;          - Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp,...;          - Kinh tế học;          - Kinh tế đối ngoại,...;          - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kế toán của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</p>	<p>- Nguyên lý kế toán (30 tiết);          - Kế toán tài chính (30 tiết).          Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p>
<p>6.  <b>KẾ TOÁN</b>  <b>(8340301)</b></p>	<p>- Kế toán;          - Kế toán - Kiểm toán;          - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kế toán của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</p>		<p>- Các ngành khoa học tự nhiên;          - Các ngành toán và thống kê;          - Các ngành kỹ thuật;          - Các ngành sản xuất và chế biến;          - Các ngành kiến trúc và xây dựng;          - Các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản;          - Các ngành sức khỏe;          - Ngôn ngữ: Anh, Pháp, Trung Quốc; Đức; Nhật; Hàn Quốc, ...</p>	<p>- Kinh tế vi mô (30 tiết);          - Kinh tế vĩ mô (30 tiết);          - Nguyên lý kế toán (30 tiết);          - Kế toán tài chính (30 tiết);          - Kế toán quản trị (30 tiết).          Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p>	



		<p><i>Yêu cầu: có ít nhất 02 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, tài chính.</i></p>	
<p><b>7.</b></p> <p><b>LUẬT KINH TẾ (8380107)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật;</li> <li>- Luật kinh tế;</li> <li>- Luật quốc tế;</li> <li>- Luật hiến pháp và luật hành chính;</li> <li>- Luật dân sự và tố tụng dân sự;</li> <li>- Luật hình sự và tố tụng hình sự;</li> <li>- Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm;</li> <li>- Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật.</li> </ul>	<p>Ngành khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên;</li> <li>- Nghệ thuật;</li> <li>- Nhân văn;</li> <li>- Khoa học xã hội và hành vi;</li> <li>- Báo chí và thông tin;</li> <li>- Kinh doanh và quản lý;</li> <li>- Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Khoa học môi trường);</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật;</li> <li>- Kỹ thuật;</li> <li>- Sản xuất và chế biến;</li> <li>- Kiến trúc và xây dựng;</li> <li>- Nông, lâm nghiệp và thủy sản;</li> <li>- Sức khỏe (chuyên ngành Quản lý bệnh viện);</li> <li>- Dịch vụ xã hội;</li> <li>- Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân;</li> <li>- Dịch vụ vận tải;</li> <li>- Môi trường và bảo vệ môi trường;</li> <li>- An ninh, quốc phòng...</li> </ul> <p><i>Yêu cầu: có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán ứng dụng;</li> <li>- Toán tin;</li> <li>- Toán học;</li> <li>- Toán cơ;</li> <li>- Khoa học tính toán;</li> </ul>
<p><b>8.</b></p> <p><b>TOÁN ÚNG DỤNG (8460112)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê kinh tế;</li> <li>- Cơ học;</li> <li>- Toán kinh tế;</li> <li>- Vật lý học;</li> <li>- Sư phạm Vật lý;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp và kỹ năng luật học (30 tiết);</li> <li>- Những vấn đề chung về Luật dân sự (30 tiết);</li> <li>- Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (30 tiết);</li> <li>- Luật công ty (30 tiết);</li> <li>- Luật thương mại (30 tiết).</li> </ul> <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại số tuyến tính (30 tiết);</li> <li>- Giải tích hàm nhiều biến (30 tiết);</li> <li>- Phương trình vi phân thường (30 tiết);</li> <li>- Giải tích số (30 tiết);</li> <li>- Giải tích hàm (45 tiết).</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê;</li> <li>- Su phạm Toán học;</li> <li>- Su phạm Toán tin;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu nhưng có tên trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Toán ứng dụng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học máy tính;</li> <li>- Công nghệ thông tin;</li> <li>- Su phạm tin học;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Toán ứng dụng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% - 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p>
9.	<b>KHOA HỌC MÁY TÍNH</b> (8480101)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học máy tính;</li> <li>- Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu;</li> <li>- Kỹ thuật phần mềm;</li> <li>- Hệ thống thông tin;</li> <li>- Kỹ thuật máy tính;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Khoa học máy tính của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nghệ thông tin;</li> <li>- An toàn thông tin;</li> <li>- Quản lý công nghệ thông tin;</li> <li>- Quản lý hệ thống thông tin;</li> <li>- Su phạm Tin học;</li> <li>- Su phạm Toán - Tin học;</li> <li>- Toán - Tin học;</li> <li>- Toán ứng dụng;</li> <li>- Kỹ thuật viễn thông;</li> <li>- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Khoa học máy tính của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% - 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</li> <li>- Ngành khác.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ cơ sở dữ liệu (45 tiết);</li> <li>- Cấu trúc rời rạc (45 tiết);</li> <li>- Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (45 tiết).</li> </ul> <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p>
10.	<b>KỸ THUẬT HÓA HỌC</b> (8520301)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật hóa học;</li> <li>- Công nghệ hóa học;</li> <li>- Cử nhân hóa học;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ cơ sở dữ liệu (45 tiết);</li> <li>- Cấu trúc rời rạc (45 tiết);</li> <li>- Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (45 tiết);</li> <li>- Phương pháp lập trình (45 tiết);</li> <li>- Nhập môn mạng máy tính (45 tiết).</li> </ul> <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p>

	<p>Không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chi khác so với chương trình ngành Kỹ thuật hóa học của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</p>	<p>Nhóm 1:          - Bảo hộ lao động;          - Kỹ thuật hóa học;          - Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu;          - Kỹ thuật vật liệu;          - Luyện kim và môi trường;          - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chi khác so với chương trình ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% - 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.          Được xét học Chương trình bổ sung kiến thức ngay sau khi TNPDH. Các học phần đã có trong bảng điểm đại học không phải học bổ sung.          Đối tượng có bằng TNPDH thuộc nhóm 1, có ít nhất 2 năm kinh nghiệm (tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển) trong lĩnh vực môi trường, được xét nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển mà không phải học chương trình bổ sung kiến thức.</p> <p>Nhóm 2:          - Công nghệ sinh học;          - Sinh học;          - Nông nghiệp;          - Lâm nghiệp;          - Chế biến lương thực - thực phẩm và đồ uống;          - Nuôi trồng thủy sản;          - Quản lý đất đai;          - Các ngành xây dựng;          - Quan hệ lao động.          Yêu cầu phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm (tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển) trong lĩnh vực môi trường, được xét học Chương trình bổ sung kiến</p>	<p>- Vi sinh vật nước thải (45 tiết);          - Phân tích môi trường (45 tiết);          - Quá trình công nghệ môi trường (45 tiết).          Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p>
<p><b>11. KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG (8520320)</b></p>	<p>- Kỹ thuật môi trường;          - Công nghệ môi trường;          - Công nghệ kỹ thuật môi trường (bằng TNPDH do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp);          - Khoa học môi trường (bằng TNPDH do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp);          - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chi khác so với chương trình ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</p>	<p>- Kỹ thuật môi trường;          - Công nghệ môi trường;          - Công nghệ kỹ thuật môi trường (bằng TNPDH do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp);          - Khoa học môi trường (bằng TNPDH do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp);          - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chi khác so với chương trình ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</p>	

		<p>thức. Nhóm 3: Đội tượng có bằng TNĐH không thuộc nhóm 1 và nhóm 2, đang công tác tại các cơ quan, đơn vị về lĩnh vực Kỹ thuật môi trường, có ít nhất 02 năm kinh nghiệm (tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển), được tham gia dự tuyển và được xét học Chương trình bổ sung kiến thức.</p>	<p>– Kinh tế xây dựng; – Quy hoạch đô thị; – Quản lý xây dựng; – Địa kỹ thuật xây dựng; – Kỹ thuật tài nguyên nước; – Kỹ thuật cấp thoát nước; – Vật liệu xây dựng; – Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật xây dựng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</p>	<p>– Sức bền vật liệu (45 tiết); – Cơ học kết cấu (45 tiết); – Kết cấu thép (45 tiết). Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p>
<p><b>12.</b> <b>KỸ THUẬT XÂY DỰNG</b> <b>(8580201)</b></p>	<p>– Kỹ thuật xây dựng; – Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; – Kỹ thuật xây dựng công trình biển; – Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; – Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; – Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật xây dựng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</p>	<p>– Quy hoạch vùng và đô thị; – Kỹ thuật công trình thủy; – Kỹ thuật xây dựng; – Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; – Kinh tế xây dựng; – Quản lý xây dựng; – Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</p>	<p>– Kỹ thuật xây dựng; – Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; – Kỹ thuật xây dựng công trình biển; – Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; – Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; – Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</p>	<p>– Các phương pháp định lượng (45 tiết); – Quy hoạch giao thông đô thị (45 tiết); – Kỹ thuật giao thông (45 tiết); – Quản lý dự án (45 tiết). Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học để xác định các môn học cần phải học bổ sung kiến thức.</p>
<p><b>13.</b> <b>KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH</b> <b>GIAO THÔNG</b> <b>(8580205)</b> Chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh</p>	<p>– Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; – Công nghệ kỹ thuật giao thông; – Khai thác vận tải; – Kinh tế vận tải; – Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</p>	<p>– Quy hoạch vùng và đô thị; – Kỹ thuật công trình thủy; – Kỹ thuật xây dựng; – Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; – Kinh tế xây dựng; – Quản lý xây dựng; – Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</p>	<p>– Kỹ thuật xây dựng; – Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; – Kỹ thuật xây dựng công trình biển; – Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; – Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; – Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</p>	<p>– Kỹ thuật điện; – Hệ thống điện;</p>
<p><b>14.</b> <b>KỸ THUẬT ĐIỆN (8520201)</b></p>	<p>– Kỹ thuật điện; – Hệ thống điện;</p>	<p>– Quản lý năng lượng; – Quản lý công nghiệp;</p>	<p>– Kỹ thuật điện; – Hệ thống điện;</p>	<p>– Cung cấp điện (45 tiết); – Nhà máy điện và trạm biến áp (45 tiết).</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật Điện - Điện tử;</li> <li>- Điện công nghiệp;</li> <li>- Su phạm kỹ thuật (chuyên ngành Kỹ thuật điện);</li> <li>- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa;</li> <li>- Điện lạnh;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện của Trường Đại học Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo hộ lao động;</li> <li>- Kinh tế công nghiệp;</li> <li>- Điện tử viễn thông;</li> <li>- Kỹ thuật điện tử;</li> <li>- Cơ điện tử;</li> <li>- Tự động hóa sản xuất;</li> <li>- Tin học công nghiệp (PFIEV);</li> <li>- Kỹ thuật máy tính;</li> <li>- Công nghệ thông tin;</li> <li>- Cơ khí nhiệt;</li> <li>- Kỹ thuật cơ sở hạ tầng;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật điện của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% - 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<p><i>Ghi chú:</i> Đây là 02 môn học bắt buộc trong CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện, do vậy yêu cầu phải hoàn thành trong bảng điểm TNDH, nếu không có phải học bổ sung.</p>
<p><b>15.</b></p> <p><b>KỸ THUẬT VIỄN THÔNG</b> (8520208)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật viễn thông;</li> <li>- Kỹ thuật điện tử, truyền thông;</li> <li>- Kỹ thuật điện tử - viễn thông;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông của Trường Đại học Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa;</li> <li>- Kỹ thuật điện;</li> <li>- Kỹ thuật điện tử;</li> <li>- Kỹ thuật điện - điện tử;</li> <li>- Kỹ thuật cơ điện tử;</li> <li>- Kỹ thuật máy tính;</li> <li>- Truyền thông và mạng máy tính;</li> <li>- Hệ thống thông tin;</li> <li>- Công nghệ thông tin;</li> <li>- Hệ thống điện;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% - 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyền thông tương tự và số (45 tiết);</li> <li>- Xử lý số tín hiệu (45 tiết);</li> <li>- Mạng truyền số liệu (45 tiết).</li> </ul> <p><i>Ghi chú:</i> Đây là 03 môn học bắt buộc trong CTĐT đại học ngành Kỹ thuật viễn thông, do vậy yêu cầu phải hoàn thành trong bảng điểm TNDH, nếu không có phải học bổ sung.</p>
<p><b>16.</b></p> <p><b>KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA</b> (8520216)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa;</li> <li>- Điều khiển tự động;</li> <li>- Tự động điều khiển;</li> <li>- Tự động hóa;</li> <li>- Kỹ thuật cơ điện tử;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật điện;</li> <li>- Kỹ thuật điện tử;</li> <li>- Kỹ thuật điện - điện tử;</li> <li>- Hệ thống điện;</li> <li>- Cơ khí;</li> <li>- Điện tử viễn thông;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý thuyết điều khiển tự động 1 (45 tiết);</li> <li>- Vi điều khiển (45 tiết).</li> </ul> <p><i>Ghi chú:</i> Đây là 02 môn học bắt buộc trong CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, do vậy yêu cầu</p>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% - 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điện tử truyền thông;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% - 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<p>phải hoàn thành bảng điểm TNDH, nếu không có phải học bổ sung.</p>
17.	<b>QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO</b> (8810301)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục thể chất;</li> <li>- Huấn luyện thể thao;</li> <li>- Quản lý thể thao;</li> <li>- Y sinh học thể thao;</li> <li>- Truyền thông thể thao;</li> <li>- Thể thao giải trí;</li> <li>- Sự phạm thể dục thể thao;</li> <li>- Quản trị kinh doanh;</li> <li>- Quan hệ công chúng;</li> <li>- Báo chí; Truyền thông; Quảng cáo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;</li> <li>- Quản trị khách sạn;</li> <li>- Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống;</li> <li>- Tài chính; Kế toán;</li> <li>- Xã hội học;</li> <li>- Quan hệ quốc tế;</li> <li>- Ngôn ngữ Anh.</li> </ul> <p>Yêu cầu: 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý thể thao và sự kiện.</p>	
18.	<b>BẢO HỘ LAO ĐỘNG</b> (8900103)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo hộ lao động;</li> <li>- An toàn sức khỏe nghề nghiệp;</li> <li>- An toàn vệ sinh lao động;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Bảo hộ lao động của Trường Đại học Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<p><u>Nhóm 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học môi trường;</li> <li>- Quản lý môi trường;</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật môi trường;</li> <li>- Kỹ thuật môi trường;</li> <li>- Cấp thoát nước và môi trường nước;</li> <li>- Kỹ thuật hóa học;</li> <li>- Công nghệ sinh học;</li> <li>- Kỹ thuật công trình xây dựng; Xây dựng dân dụng công nghiệp; Cầu đường; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông;</li> <li>- Điện - Điện tử; Điện tử - Viễn thông; Cơ điện tử; Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa; Cơ điện lạnh;</li> <li>- Cơ khí chế tạo máy; Cơ khí động lực;</li> <li>- Quan hệ lao động;</li> <li>- Kỹ thuật Hóa dầu;</li> <li>- Kỹ thuật Dệt - May;</li> <li>- Kỹ thuật Luyện kim;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở khoa học bảo hộ lao động (30 tiết);</li> <li>- Luật an toàn sức khỏe nghề nghiệp (30 tiết);</li> <li>- Kỹ thuật an toàn (30 tiết).</li> </ul> <p>Các học phần đã có trong bảng điểm đại học không phải học bổ sung.</p>

- Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu;  
 - Kỹ thuật hạt nhân;  
 - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Bảo hộ lao động của Trường Đại học Tôn Đức Thắng từ 10% - 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ) của khối kiến thức ngành.  
 Được xét học Chương trình bổ sung kiến thức ngay sau khi TNĐH. Các học phần đã có trong bảng đại không phải học bổ sung.  
 Đối tượng có bằng TNĐH thuộc nhóm 1, có ít nhất 2 năm kinh nghiệm (tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển) trong lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động; Bảo hộ lao động, hoặc có chứng chỉ HSE (do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp) được xét nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển mà không phải học chương trình bổ sung học chương trình bổ sung kiến thức.

Nhóm 2:  
 Đối tượng có bằng TNĐH không thuộc nhóm 1, đang công tác tại các cơ quan, đơn vị có chuyên môn trong lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động; Bảo hộ lao động, có ít nhất 02 năm kinh nghiệm (tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển):

- Có chứng chỉ HSE (do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp), được xét nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển mà không phải học chương trình bổ sung kiến thức.
- Không có chứng chỉ HSE (do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp), được xét nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển, phải học chương trình bổ sung kiến thức.